

Bồ Tát Địa Tạng là ai?

ISSN: 2734-9195

20:47 15/10/2018

Mê muội chạy theo vọng trần gọi là vô minh. Nếu khởi niệm tam tối thì không thực hành được đức hạnh của Phật và công hạnh Bồ Tát.

I. Duyên khởi

Ngày nay, người theo đạo Phật và không theo đạo Phật thật sự trong thâm tâm và niềm tin của mọi người rất kính trọng Bồ Tát Địa Tạng vì lời nguyện rộng sâu của Ngài.

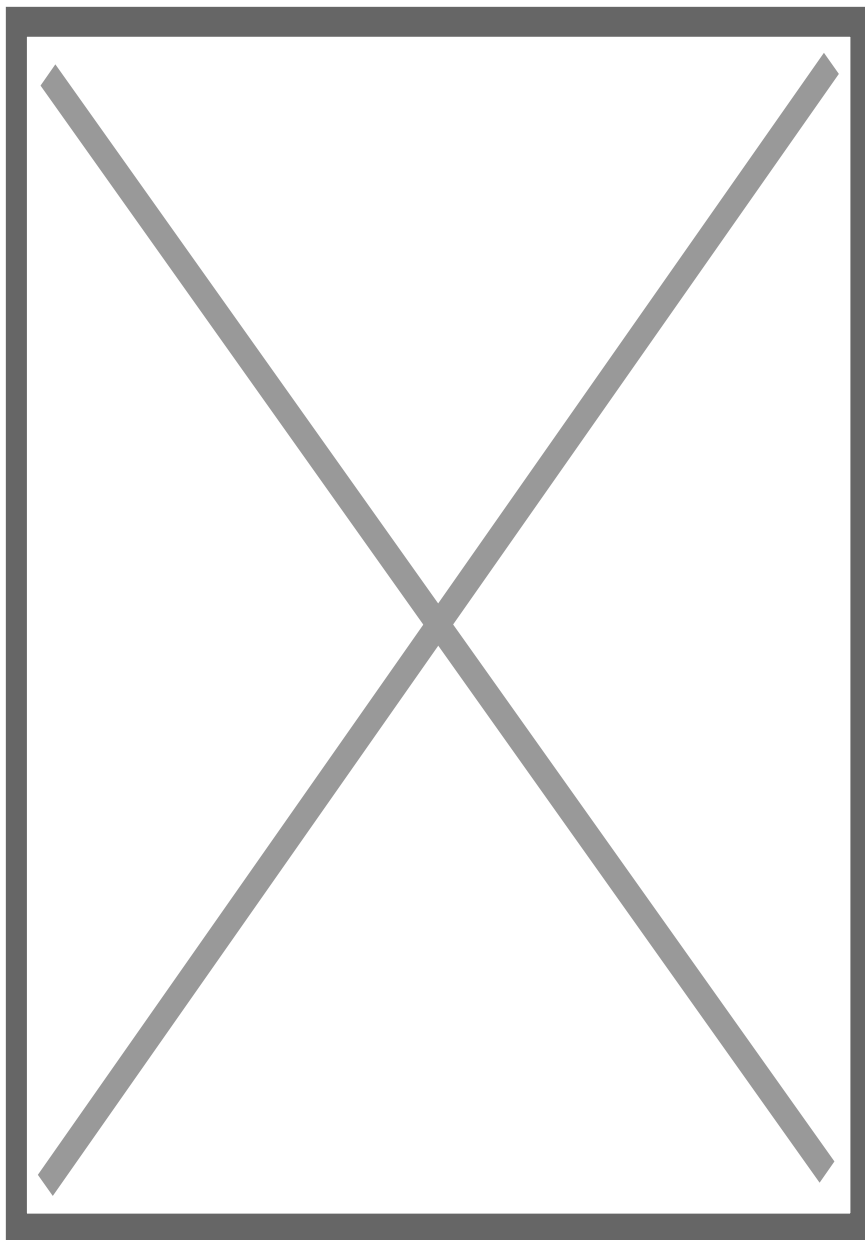
“Địa ngục vị không thệ bất thành Phật

Chúng sinh độ tận phương chứng Bồ đề”.

Nên Ngài được “chư Phật ba đời đồng khen chuộg. Mười phương Bồ Tát chung tin tưởng” là vua trong các vị Bồ Tát.

Có người còn băn khoăn và suy nghĩ mãi về Ngài, cho rằng Bồ Tát Địa Tạng chỉ là nhân vật hư cấu, sản phẩm của đầu óc tưởng tượng phong phú của người Trung Hoa?

Chúng tôi nghiên cứu, truy tìm đến các tài liệu của các học giả nghiên cứu về Phật giáo cổ Ấn Độ đã trưng ra các bằng chứng xác định rằng tín ngưỡng tôn thờ Bồ Tát Địa Tạng (Kshitigarbha) đã được khai sinh tại Ấn Độ vào khoảng đầu thế kỷ thứ nhất hoặc thứ hai sau công nguyên (C.E.), cùng một lúc với sự phát triển mạnh mẽ của khuynh hướng Phật giáo phát triển,¹ mà bằng chứng cụ thể là Bồ Tát Địa Tạng và những kinh sách liên quan đến Ngài đã được đưa vào chương trình học tập, nghiên cứu tại Đại học cổ điển Phật giáo nổi tiếng Nalanda xứ Ma Kiệt Đà.



II. Thế thân và danh xưng

A. Thế thân/xuất gia và thị tịch Ngài Bồ Tát Địa Tạng

Căn cứ vào nhiều tài liệu để tìm hiểu lại lịch sử của Ngài Bồ Tát Địa Tạng Vương trên lịch sử Phật giáo Trung Quốc và Phật giáo Hàn Quốc. Ngài Bồ Tát Địa Tạng tục danh tên là Kim Kiều Giác (Kim Kyo-gak), sinh vào thế kỷ thứ VII, năm 696 TL, tại nước Tân La (Silla), hiện nay là Hán Thành, thuộc Nam Hàn.

Ngài vốn là một Hoàng tử, sống trong lầu son nhung lụa, ở cung vàng điện ngọc, thế nhưng tính Ngài lại thích đạm bạc, không bị ảnh hưởng bởi nếp sống vương giả phong lưu đài các, mà chỉ chăm lo học hỏi và ham đọc Thánh hiền.

Vào năm Vĩnh Huy đời Đường Cao Tông, sau khi tham khảo hết Tam giáo, Cửu lưu và Bách gia chư tử thì Ngài bèn buông lời cảm thán: “So với

Lục kinh của Nho gia, Đạo thuật của Tiên gia, thì lý Đệ nhất Nghĩa đế của nhà Phật là thù thắng hơn hết, rất hợp với chí nguyện của ta.” Sau đó lập chí xuất gia vào lúc 24 tuổi.

Sau khi xuất gia, Ngài thích đến chỗ vắng vẻ tu tập tham thiền nhập định, nhân đây bèn nghĩ đến việc hành cước, tìm một nơi thanh vắng để tĩnh tu. Ngài chuẩn bị thuyền bè, đem theo một ít hành trang và lương thực, đồng thời dắt theo con bạch khuyển (chó trắng) tên Thiện Thính, đã theo Ngài từ lúc xuất gia. Ngài một mình tự lái thuyền rời bến Nhân Xuyên (Incheon), trương buồm ra khơi, tùy theo hướng gió mà đi, sau nhiều ngày lênh đênh trên biển, đến cửa sông Dương Tử (Trung Hoa). Thuyền bị mắc cạn trên bãi cát, Ngài bèn bỏ thuyền đi bộ lên bờ, tiếp tục cuộc hành trình. Sau nhiều ngày lang thang, Ngài đến chân núi Cửu Tử ở huyện Thanh Dương, tỉnh An Huy. Thấy phong cảnh nơi đây hùng vĩ, sơn xuyên tú lự, Ngài bèn quyết định ở lại. Ngài đi dọc theo triền núi lên phía trên cao để khảo sát, phát giác khoảng giữa các ngọn núi là một vùng đất bằng phẳng, cảnh trí nên thơ vô cùng tĩnh mịch, bèn trèo lên mỏm đá bên cạnh một khe nước suối. Một hôm, đang lúc tĩnh tọa, bỗng có một con rắn độc nhỏ đến cắn vào đùi, nhưng Ngài vẫn an nhiên bất động. Giây lát sau, một người đàn bà tuyệt đẹp từ trên vách núi bay xuống, đến bên cúi lạy, đưa thuốc cho Ngài và nói: “Đứa bé trong nhà rắn mất, xúc phạm tôn nhan. Thiếp xin tạo một con suối mới để đền đáp lỗi lầm của cháu nhỏ.” Nói xong biến mất. Chưa đầy một sát na, trong vách núi ào ra một dòng suối cuộn cuộn chảy xuống. Từ đó, Ngài không còn phải lao nhọc đi xa gánh nước về. (Đây là dòng suối Long Nữ Tuyền nổi danh ở núi Cửu Hoa).

Ngài Địa Tạng tu hành ở núi Cửu Hoa Sơn 75 năm. Thọ đến 99 tuổi. Suốt thời gian tu khổ luyện ở đây, Ngài không hề trở về nước Đại Hàn. Ngài nhập Niết bàn vào ngày 30 tháng 7 năm Đường Khai Nguyên thứ 26. Ba năm sau khi Ngài viên tịch, thì tọa quan của Ngài tự động mở cửa. Và trong đó thi thể và dung mạo của Ngài y hệt như người sống. Tay chân vẫn mềm dẻo như có thể di chuyển được.

Mãi cho đến ngày nay, nhục thân của Ngài Địa Tạng vẫn còn được thờ phụng tại Cửu Hoa Sơn để cho thánh chúng chiêm ngưỡng.

B. Danh xưng Ngài Bồ Tát Địa Tạng

Tên Bồ Tát đọc theo tiếng Phạn là Khất Xoa Đế Nghiệt Sa (Ksitigarbha), Hán dịch là Địa Tạng. Nhưng trong các bản Kinh truyền dịch, tên Ngài cũng có chỗ được dịch dài hơn, kể ra như dưới đây:

a. Bồ Tát Địa Tạng. Danh hiệu này là tên thông dụng trong các bản dịch Kinh. Ý nghĩa chữ “Địa Tạng” như trong Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh Sớ của Đại Sư Ngẫu Ích đã giảng rộng.

b. Danh hiệu Bồ Tát Đại Địa Tạng phát xuất từ phẩm Nhập Pháp Giới của Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm bản dịch đời Tấn.

c. Danh xưng Bồ Tát Trì Địa Tạng phát xuất từ Kinh Phật Thuyết La Ma Già được dịch vào đời Tây Tấn. Kinh này chính là bản dịch khác của phẩm Nhập Pháp Giới.

d. Danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng Vương phát xuất từ Kinh Đại Thừa Bốn Sinh Tâm Địa Quán dịch vào thời Đường. Ngài Lai Châu đời Thanh giải thích: “Chấp chương U Minh, tùy nguyện tự tại; vì thế được tôn là Vương”. Nghĩa chữ Vương rất rộng, lời giải thích trên chưa được trọn vẹn.

Bồ Tát Địa Tạng đại biểu cho một khuôn mẫu tốt đẹp và tích cực nhất của lý tưởng Bồ Tát đạo, qua hành động dẫn thân, lăn xả vào chốn địa ngục lăm than để cứu độ chúng sinh với lời nguyện bất hủ: Khi nào trong cõi địa ngục còn một chúng sinh khổ đau, Ngài sẽ không bao giờ trọn thành Phật đạo. Thế nên được tôn xưng như là vị “U Minh Giáo Chủ”, Bồ Tát Địa Tạng đã được quần chúng Phật tử tại Á châu theo truyền thống Bắc tông tôn thờ kính ngưỡng.

Hàng ngàn hình tượng Bồ Tát Địa Tạng được tôn thờ trong những hang động tại vùng Long Môn và Đôn Hoàng, Turkestan trong khu vực được gọi là Vạn Phật đã nói lên niềm tin tưởng của dân chúng địa phương về sự hộ trì của Bồ Tát Địa Tạng đối với khách lữ hành và là một bằng chứng sống động cho thấy rằng Bồ Tát Địa Tạng không phải là sản phẩm hư cấu của người Trung Hoa.

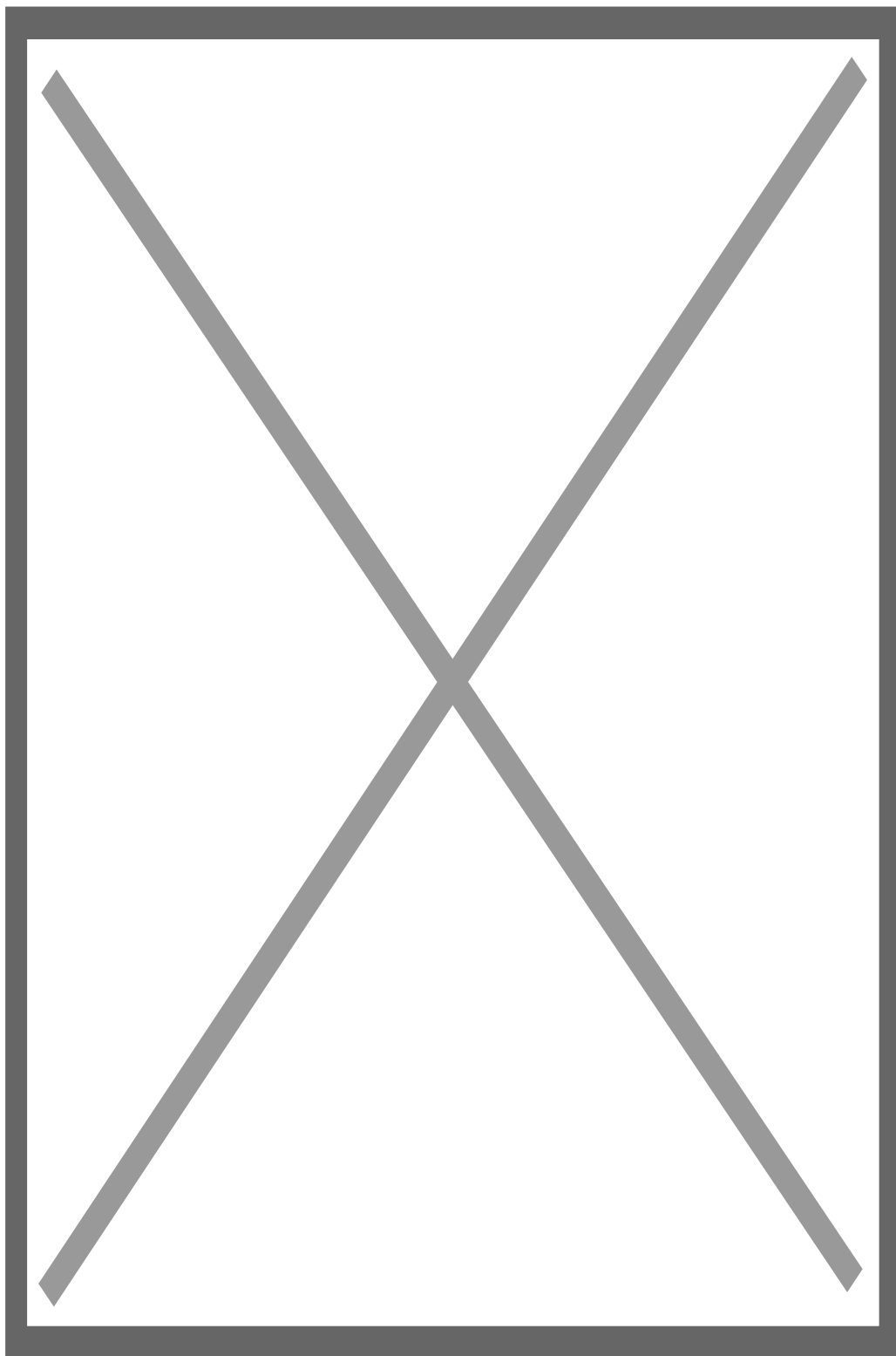
III. Hạnh nguyện của Ngài Bồ Tát Địa Tạng

Trong Kinh Bồ Tát Địa Tạng Bốn Nguyện, Phật thuyết:

“Lại vậy nữa, này Quán Thế Âm Bồ Tát! Về đời sau nếu có người thiện nam thiện nữ nào, hoặc nhân sự làm ăn, hoặc nhân sự công chuyện tư, hoặc nhân sự sinh cùng tử, hoặc nhân việc gấp mà phải vào trong rừng núi, hay là qua sông vượt biển, hoặc gặp nước lụt lớn, hoặc đi ngang đường hiểm trở. Người ấy trước khi đi nên niệm danh hiệu của Ngài Bồ Tát Địa Tạng một muôn biến, được thể thời đi qua nơi chốn nào cũng có các vị quỷ thần hộ vệ, lúc đi đứng, khi nằm

ngôi, đều được an ổn vui vẻ luôn, cho đến chỗ gặp loài hùm sói sư tử... nhưng tất cả thứ độc hại đều không thể phạm đến người đó được.”²

Trên bước đường tu hành, nếu như muốn đạt đến ngôi vị Phật quả, đều phải trải qua giai đoạn hành Bồ Tát đạo, nghĩa là mỗi vị Bồ Tát như Quán Thế Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc,... đều phải phát những hạnh nguyện độ sinh. Tùy theo từng vị mà phát những hạnh nguyện khác nhau, có vị phát nhiều hạnh nguyện, có vị phát ít hạnh nguyện, tất cả không ngoài mục đích là cứu độ chúng sinh, ban vui, cứu khổ mọi loài. Trong đó, thệ nguyện của Bồ Tát Địa Tạng thì sâu dày, rộng lớn hơn so với các vị Bồ Tát khác. Điều này đã được xác quyết trong kinh Địa Tạng, phẩm Kiên Lao Địa Thần, thứ mười một. Kiên Lao Địa Thần đã đối trước Phật nói rõ điều này: “Bạch Thế Tôn, từ trước đến nay con đã từng đánh lễ chiêm ngưỡng vô lượng vị Đại Bồ Tát, đều là những bậc trí tuệ thần thông lớn không thể nghĩ bàn, độ khắp tất cả loài chúng sinh. Tuy nhiên Ngài Bồ Tát Địa Tạng đây so với các vị Bồ Tát khác chỗ thệ nguyện rộng sâu hơn”.



Chúng ta thấy lý tưởng và công hạnh của Ngài Bồ Tát Địa Tạng được đức Phật mô tả rất nhiều qua các kinh điển Đại thừa như: Phật Thuyết Đại Phương Quảng Thập Luân kinh, Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân kinh, Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo kinh, Phật thuyết La Ma Già kinh, Hoa Nghiêm kinh, Hoa Nghiêm kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, Hoa Nghiêm Thập Địa kinh, Đại Thừa Bốn Sinh Tâm Địa Quán kinh, Phật Thuyết Bát Đại Bồ Tát kinh... Đặc biệt, trong Bồ Tát Địa Tạng Bốn Nguyên kinh, đức Phật kể lại những chuyện tiền thân của Bồ

Tát Địa Tạng trong khi hành Bồ Tát đạo, phát thệ nguyện cứu khổ chúng sinh. Qua đó, chúng ta thấy được hạnh nguyện vĩ đại của Ngài. Hạnh nguyện nổi bật đó không ngoài hai điểm: tinh thần hiếu đạo và tâm nguyện độ tận pháp giới chúng sinh. Điều này thể hiện qua bốn phẩm kinh sau:

1. *Phẩm thứ nhất*: “...Trong vô lượng kiếp về trước, Ngài Địa Tạng là một vị trưởng giả. Nhờ phước duyên được chiêm ngưỡng, đánh lễ, được sự chỉ dạy của đức Phật Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai, vị trưởng giả này đã phát đại nguyện: “Từ nay đến tận số chẳng thể kể xiết ở đời sau, tôi vì những chúng sinh tội khổ trong sáu đường mà giảng bày nhiều phương tiện làm cho chúng được giải thoát hết cả, rồi tự thân tôi mới chứng thành Phật đạo”.

2. *Trong Phẩm thứ nhất*: “...Vào thời quá khứ vô số kiếp trước, thuở đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, tiền thân của Ngài là một người nữ dòng dõi Bà La Môn có nhiều phúc đức và oai lực; nhưng mẹ của cô không tin vào nhân quả tội phúc, tạo rất nhiều ác nghiệp, sau khi chết bị đọa vào địa ngục. Là người con chí hiếu, cô rất thương nhớ mẹ, đã làm vô lượng điều lành, đem công đức ấy hồi hướng cho mẹ và cầu nguyện đức Phật cứu giúp. Nhờ các công đức chí thành ấy, đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại đã cho cô biết là mẹ của cô đã được thoát khỏi cảnh địa ngục và vãng sinh về cõi trời. Vô cùng hoan hỷ trước tin ấy, cô đã đối trước đức Phật Giác Hoa phát nguyện: “Tôi nguyện từ nay nhẫn đến đời vị lai, những chúng sinh mắc phải tội khổ, thì tôi lập ra nhiều phương chước làm cho chúng được giải thoát”.

3. *Phẩm thứ tư*: “...Trong hằng hà sa số kiếp về trước, thuở đức Phật Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ngài Địa Tạng là một vị vua rất đức độ, thương dân... nhưng chúng sinh lúc ấy tạo rất nhiều ác nghiệp, vị vua hiền đức này đã phát nguyện: “Như tôi chẳng trước độ những kẻ tội khổ, làm cho đều đặn an vui chúng quả Bồ Đề, thì tôi nguyện chưa chịu thành Phật”.

4. *Phẩm thứ tư*: “...Vô lượng kiếp về thuở quá khứ, thời đức Phật Liên Hoa Mục Như Lai, Ngài Địa Tạng là một hiếu nữ tên Quang Mục có nhiều phước đức. Nhưng mẹ của Quang Mục lại là người tạo vô số ác nghiệp. Khi mạng chung, bà bị đọa vào địa ngục. Quang Mục tạo nhiều công đức hồi hướng cho mẹ và nhờ phước duyên cúng dường một vị A La Hán, vị Thánh này đã cho biết rằng, mẹ của cô đã thoát khỏi cảnh địa ngục sinh vào cõi người, nhưng vẫn còn chịu quả báo sinh vào nhà nghèo hèn, hạ tiện, lại bị chết yểu... Vì lòng thương mẹ và chúng sinh, Quang Mục đã đối trước đức Phật Liên Hoa Mục Như Lai phát nguyện: “Từ ngày nay nhẫn về sau đến trăm nghìn muôn ức kiếp, trong những thế giới nào mà các hàng chúng sinh bị tội khổ nơi địa ngục cùng ba ác đạo, tôi nguyện cứu vớt chúng sinh đó làm cho tất cả đều thoát khỏi chốn ác đạo: địa ngục, súc sinh

và nga quỉ,... Những kẻ mắc phải tội báo như thế thành Phật cả rồi, vậy sau tôi mới thành bậc Chính Giác”. Qua bốn lần phát đại nguyện thì trong đó có đến hai lần Bồ Tát Địa Tạng vì hiếu đạo cứu độ mẹ mà phát thệ nguyện. Chính vì thế, tông chỉ bộ kinh này được Hòa thượng Tuyên Hóa tóm tắt trong tám chữ: “Hiếu đạo - Độ sinh - Bạt khổ - Báo ân”. Do vậy kinh này cũng được gọi là Hiếu kinh của Phật giáo. Nội dung bộ kinh này, đức Phật thuyết giảng về công hạnh tối thắng của Bồ Tát Địa Tạng qua những tiền kiếp của Ngài, đặc biệt là hiếu hạnh và sự độ sinh của Ngài. Trong kinh Đại thừa, đức Phật đã từng nói: “Tất cả chúng sinh là cha mẹ ta trong quá khứ và là chư Phật ở vị lai”. Với trí tuệ rộng lớn như hư không và lòng từ bi bao la ngập tràn như đại dương vô tận, cộng với lời phát nguyện vĩ đại “Địa ngục vị không thệ bất thành Phật. Chúng sinh độ tận phương chứng Bồ đề.” của Ngài, thì hình ảnh và hạnh nguyện của Ngài đã phần nào phác họa minh chứng câu nói trên của đức Phật.

Bồ Tát Địa Tạng trong khi hành Bồ Tát đạo đã phát thệ nguyện vĩ đại. Nội dung bốn lần phát thệ nguyện của Bồ Tát trong khi hành Bồ Tát đạo. Do vì, Bồ Tát với trí tuệ rộng lớn như hư không và lòng từ bi bao la ngập tràn như đại dương vô tận, Ngài luôn thấy tất cả chúng sinh là cha mẹ trong hiện tại và chư Phật trong vị lai. Vì thế, trong khi hành Bồ Tát đạo, Ngài đã phát thệ nguyện độ hết nỗi khổ chúng sinh, khi nào trên cuộc đời này không còn một chúng sinh đau khổ, đều thành tựu Phật đạo thì Ngài mới yên tâm thọ dụng cảnh giới Niết bàn.

Có thể nói, Bồ Tát Địa Tạng đã đến với thế giới Ta bà ác trược này chỉ vì một tâm nguyện duy nhất là cứu vớt tất cả chúng sinh đang lặn hụp trong đại dương sinh tử đưa lên bờ Niết bàn. Cho dù chúng sinh có cang cường, nan điều nan phục đến mấy, Bồ Tát vẫn kiên trì không thối chuyển tâm nguyện, không bao giờ xa lìa ý niệm cứu độ chúng sinh. Tâm nguyện độ sinh của Ngài vững chắc như núi cao, công hạnh lợi ích nhân thiên rộng sâu như biển cả. Chúng ta không thể tán thán hết được công hạnh của Bồ Tát, thật đúng như hai câu kệ trong bài tán Phật đã nói: “Xưng dương nhược tán thán, ức kiếp mặc năng tận”.

Để tán thán công năng cứu độ chúng sinh không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng, người dân Nhật đã tạo ra không biết bao nhiêu những truyện tích, huyền thoại để nói về Ngài. Với khuôn mặt dịu hiền khả ái và trên môi như luôn luôn điểm một nụ cười, hình ảnh của Ngài đã hoà nhập vào tất cả mọi nề nếp suy nghĩ, những lo âu trong cuộc sống đời thường của dân chúng Nhật Bản. Hình ảnh của Ngài làm ta liên tưởng đến hình ảnh của một vị y sĩ vùng quê sẵn sàng có mặt bất cứ lúc nào cho bất cứ ai cần đến trong cơn đau đớn, sợ hãi, âu lo, hoạn nạn dù lớn hay nhỏ. Cho đến bây giờ, không phải chỉ ở vùng quê mà ngay tại những thành phố, kể cả những thành phố lớn đông đúc nhộn nhịp như Đông Kinh hay cố đô Kyoto, nếu chúng ta cần đến sự giúp đỡ của Bồ Tát Địa Tạng, có

lẽ chúng ta cũng không cần phải đi đâu xa, bởi vì chỉ cách một vài góc phố, vài ngã tư đường người Nhật lại dựng lên một bàn thờ nhỏ thờ Bồ Tát Địa Tạng, mà trên đó là những bó hoa tươi thắm, những phẩm vật cúng dường đơn sơ nhưng chan chứa những tình cảm trân trọng: vài viên kẹo, dăm trái quýt và đôi khi cả những chén rượu sake... Những bàn thờ này luôn luôn được chăm sóc sạch sẽ bởi cư dân địa phương, điều này đã nói lên những tình cảm tin tưởng trân quý của người phật tử Nhật Bản luôn luôn hướng về Ngài. Ở những nơi thờ phụng lớn hơn, còn thấy phật tử dâng cúng lên Ngài những bộ áo quần trẻ con, những đôi giày, dép Nhật Bản, vì người ta tin tưởng rằng Bồ Tát Địa Tạng đã phải đi mòn không biết bao nhiêu là gót giày, tất bật tới lui không ngừng trên khắp nước Nhật để an ủi, săn sóc bất cứ những ai cần đến Ngài giúp đỡ. Đặc biệt khi người ta dâng cúng đến Ngài những bộ áo quần trẻ con là vì do niềm tin theo truyền thuyết, Ngài là người rất yêu thích trẻ con, là vị thần hộ mệnh của những trẻ thơ bất hạnh. Đây có thể nói là một trong những nét độc đáo, đầy ý nghĩa của Phật giáo Nhật Bản.

Trong các quốc gia theo truyền thống Phật giáo Đại thừa như Trung Hoa, Triều Tiên, Việt Nam,... chỉ có Nhật Bản là có truyền thống độc đáo này. Người ta không biết rõ niềm tin này được phát xuất từ đâu, có thể là bắt nguồn từ cuốn Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện. Theo một phẩm ở trong cuốn Kinh này thì vị quý thần trách nhiệm về sinh mệnh và tuổi thọ của con người, Chủ Mạng Quỷ Vương, cũng là một vị Bồ Tát do lòng từ hóa hiện, trong khi cùng với các vua Diêm La câu hội về cung trời Đao Lợi để nghe Phật thuyết pháp, đã bạch Phật:

“Người trong cõi Diêm Phù Đề lúc mới sinh, không luận là con trai hay con gái, khi sắp sinh ra chỉ nên làm việc phúc lành thêm sự lợi ích cho nhà cửa, thời Thổ Địa vui mừng khôn xiết, ủng hộ cả mẹ lẫn con đều đặn nhiều sự an vui, hàng thân quyến cũng được phúc lợi. Hoặc khi đã hạ sinh rồi, nên cẩn thận chớ có giết hại sinh vật để lấy những vị tươi ngon cung cấp cho người sản mẫu ăn, cùng nhóm họp cả hàng quyến thuộc lại để uống rượu ăn thịt, ca xang đàn sáo, nếu làm những việc trên đó có thể làm cho người mẹ đứa con chẳng được an vui.”³

Trong một đoạn kinh khác, khi tán thán về công năng và oai lực của Bồ Tát Địa Tạng, Phật đã tuyên thuyết cùng Bồ Tát Phổ Quảng:

“Lại vậy nữa, này Phổ Quảng! Về sau này, nơi cõi Diêm Phù Đề, trong hàng Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Trưởng giả, cư sĩ, tất cả các hạng người và những dân tộc dòng họ khác, như có người nào mới sinh đẻ hoặc con trai hoặc con gái, nội trong bảy ngày, sớm vì đứa trẻ mới sinh đó mà tụng kinh điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đứa trẻ mà niệm danh hiệu của Ngài Bồ Tát Địa Tạng đủ một

muôn biến. Được vậy thời đứa trẻ hoặc trai hay là gái mới sinh ra đó, nếu đời trước nó có gây ra tội vạ chi cũng đừng thoát khỏi cả, nó sẽ an ổn vui vẻ để nuôi, lại thêm được sống lâu. Còn như nó là đứa nương nơi phúc lực mà thọ sinh, thời đời nó càng được an vui hơn cùng sống lâu hơn.”⁴

Chăm lo cho hạnh phúc trẻ thơ chưa đủ, Bồ Tát Địa Tạng còn chăm lo đến số phận của những trẻ thơ bất hạnh đã lìa đời ngay lúc còn thơ ấu, hoặc vì lý do nào đó đã chết khi đang còn là một bào thai ở trong bụng mẹ.

"Một hài nhi còn nằm ngửa chưa hề có ý niệm thế nào là "thân" làm sao chúng có thể có những hành động xấu ác khi thân chỉ biết bò và lật? Một hài nhi còn nằm ngửa ngay cả còn chưa biết "nói chuyện" thì làm sao có thể thốt ra được những lời cay độc khi miệng chỉ biết khóc nhè?... [Chúng] không hề có ý niệm thế nào là "tác ý" thì làm sao có thể có những tác ý xấu xa? [Chúng] không hề có ý niệm thế nào là "nghề nghiệp sinh sống" thì làm sao chúng có thể hành nghề bất lương để kiếm sống ngoại trừ rúc vào vú mẹ? Nếu "tất cả những gì mà ngoại đạo nói" như thế, thì một đứa hài nhi còn nằm ngửa là một bậc thánh và là "một bậc giác ngộ".⁵

Như thế những linh hồn trẻ thơ này sẽ đi về đâu trong và sau giai đoạn thân trung ấm và Bồ Tát Địa Tạng làm thế nào để cứu giúp chúng?

Vì lứa tuổi trẻ con vì trí óc còn non nớt chưa phát triển nên không thể phân biệt được phải trái cũng như không thể thấu hiểu được những giáo lý của đạo Phật. Dĩ nhiên vì không thông hiểu giáo lý, chúng không thể tu tập để đạt đến giác ngộ - như đoạn kinh Phật đã giải thích ở trên - vì thế nên tuy ngây thơ vô tội, sau khi từ giã cõi đời, chúng không thể sinh vào cảnh giới Phật, kể cả cảnh giới Tịnh độ. Ngược lại chúng bị rơi vào cõi u minh mờ mịt. Chính lúc này thì Bồ Tát Địa Tạng hiện ra và bọn trẻ trong lúc đang kinh hoàng vội vàng chạy đến chui vào tạng bào của Ngài để tìm chỗ ẩn trốn. Những đứa nhỏ hơn vì chạy không kịp đến trễ thì vội đeo vào cánh tay hay thiền trượng của Ngài. Bồ Tát Địa Tạng liền an ủi vỗ về chúng: "Không có gì các con phải sợ hãi cả. Từ đây ta là Mẹ là Cha của các con." Bọn quỷ đã xúm lại đòi Bồ Tát Địa Tạng phải trao đám trẻ con lại cho chúng, nhưng Ngài đã dùng uy lực của mình phóng ra những vầng hào quang rực rỡ khiến bọn chúng đều khiếp sợ bỏ đi. Huyền thoại này của người Nhật đã mô tả lại những nỗi khổ đau mà ngay cả một đứa trẻ nhỏ bé ngây thơ vô tội cũng phải gánh chịu ở thế giới bên kia và chỉ có Bồ Tát Địa Tạng là người duy nhất đã cứu vớt những linh hồn bé nhỏ đó.

Ngày nay, hàng phật tử chúng ta mỗi khi niệm danh hiệu Ngài, nên phải nhớ tưởng đến những công hạnh, thệ nguyện vĩ đại ấy. Chúng ta phải học theo, lấy Ngài làm tấm gương soi sáng cho chúng ta noi theo. Khi gặp chúng sinh nào

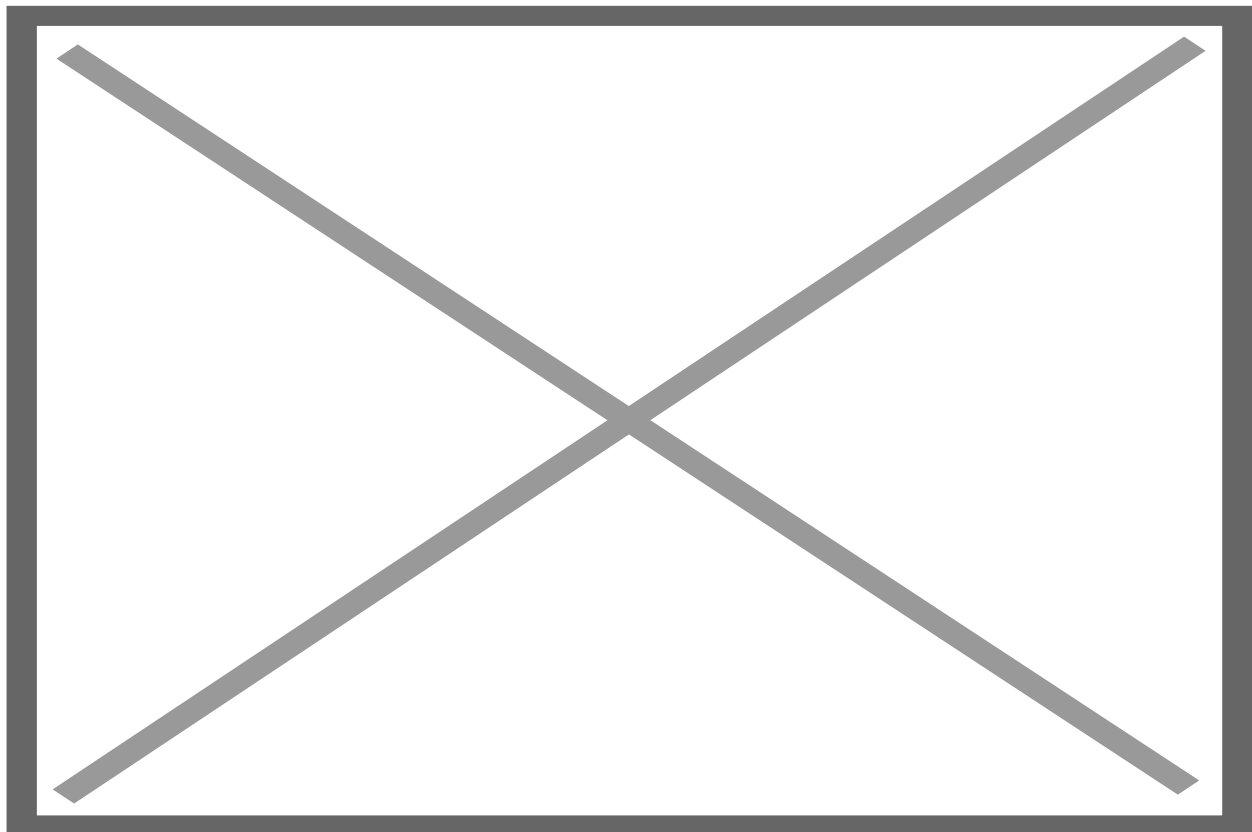
đang khó khăn, đau khổ, chúng ta phát khởi từ tâm giúp đỡ trong khả năng của mình có thể, làm được như thế thì khi niệm danh hiệu Địa Tạng mới tròn đầy viên mãn công đức, sẽ cảm ứng đạo giao với Ngài.

IV. Công đức Ngài Bồ Tát Địa Tạng

Bồ Tát Địa Tạng đã đạt đến quả vị này là do một phát tâm từ bi dũng mãnh muốn cứu vớt tất cả những khổ đau của chúng sinh, đặc biệt là những chúng sinh đang chịu khổ nạn trong địa ngục, được huân tập qua một quá trình tu tập, trải qua hàng hà sa số kiếp, trong đó một vài kiếp nổi bật đã được đức Phật nhắc lại trong Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện.

Thân là cội gốc của các khổ, vốn không đáng tiếc; nhưng thân có thể tải đạo, cũng không thể không trân trọng. Những lời này là những lời của các bậc Đại đức thuở xưa tả về cái thân này của chúng ta là cái thân nghiệp báo chứa nhóm những tội ác, sống trên cõi đời chẳng qua chỉ vài mươi năm ngắn ngủi, đâu đáng quý trọng. Nhưng nếu muốn được giải thoát thì phải mượn giả tu chân, chẳng kể là tu học Phật pháp hay lạy Phật, niệm Phật, đều phải nhờ vào thân này; lúc tự mình gặp phải tai nạn nguy khổ thì tự mình niệm Phật, tự mình được cứu.

Nếu có người sắp mạng chung, hàng quyến thuộc trong nhà, dù chỉ một người vì người bệnh đó mà niệm lớn danh hiệu của một đức Phật, thì người mạng chung này, chỉ trừ năm tội vô gián, còn những nghiệp báo khác đều được tiêu trừ. Năm tội vô gián này tuy là qua ức kiếp cũng không thể ra khỏi. Nhưng nhờ lúc sắp mạng chung lại được người khác xưng niệm danh hiệu Phật cho họ, nên các tội ấy rồi cũng lần lần tiêu trừ. Hà huống là có chúng sinh nào tự mình xưng niệm, thì sẽ được vô lượng phước, diệt vô lượng tội.”



Niềm tin vào công đức của Tam Bảo, Thần lực của chư tăng luôn là phương pháp tối thắng để cứu độ chúng sinh, Bồ Tát Địa Tạng cũng như vậy, Ngài luôn nhất tâm kính tin về điều ấy, cho nên khi còn hành Bồ Tát đạo Ngài luôn dùng phương pháp cúng dường Tam Bảo, nương nhờ thần lực của Phật, oai linh của chúng tăng để cứu độ cha mẹ chúng sinh. Trong Kinh Địa Tạng chép: “Thuở quá khứ khi Ngài làm cô gái Quang Mục, vì muốn cứu độ mẹ thoát địa ngục mà phát tâm cúng dường vị La Hán và phát đại thệ nguyện độ sinh để dẫn dắt mẹ từ cảnh địa ngục vào đạo Bồ đề”.

Thế nên tự lực và tha lực luôn là điểm then chốt song song phải tu trì trong hành trình tu nhân thành Phật và chính Bồ Tát Địa Tạng là người đã và đang hành trì, Ngài đã dùng chính sự tu trì của mình để chứng minh cho chúng ta thấy pháp môn “Bất nhị” này. Phát thệ nguyện cứu khổ chúng sinh, ấy là tự lực, nương vào công đức thần lực Tam Bảo ấy là tha lực. Hiếu đạo là cốt lõi của tâm tự lực, dùng tâm hiếu để phát khởi đại bi tâm, thương xót và rồi phát đại nguyện tâm, thệ độ tận pháp giới chúng sinh ấy là tha lực.

Phật dạy phúc đức cung dưỡng cha mẹ ngang bằng với việc cúng dường Phật. Vì thế ngay với người xuất gia, hiếu dưỡng vẫn được coi trọng. Không phải tu đạo bậc Thánh thì bỏ bê đạo đức thường tình của người đời. Phật dạy cắt ái ly gia, chẳng qua là để có điều kiện giúp việc hiếu hạnh được thăng hoa hơn. Không phải tu đạo rồi thì phế bỏ cha mẹ như những ác tri thức đã dạy người.

Vậy trong Kinh Địa Tạng hàm chứa đầy đủ ý chỉ của đức Phật, là Tạng Kinh thâm sâu, miên mật. Phật muốn dùng sự tương của Bồ Tát Địa Tạng để chỉ đến một chân lý tuyệt diệu, sâu mầu nơi Như Lai Tạng Tính có đầy đủ các cõi là mười phương quốc độ tam thiên đại thiên thế giới. Từ Phật Thánh, Bồ Tát, A La Hán, Duyên Giác, Thanh Văn, Người, A Tu La, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh... Trong kinh Lục Tổ nói:

“Không ngờ trong tâm có tất cả, không ngờ trong tâm chứa muôn pháp”.

Tất cả mọi người đều có sự nhất tâm tinh tấn vượt lên các cõi đã tự tạo, do lòng tham lam, sân hận, si mê vì bởi dính mắc trụ vào sáu căn, sinh tâm ưa thích nên phiền não, mê muội theo nghiệp ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục. Tự tính thanh tịnh sáng suốt có khả năng đập vỡ được vô minh. Tượng trưng cho sự sáng suốt là ngọc minh châu, như ý. Gậy vàng tích tượng tượng trưng cho tâm vàng rắn chắc, y pháp (tự chân) không xen lẫn một niệm vô minh, vọng tưởng do ý khởi sinh tâm niệm làm ô nhiễm. Sự thanh tịnh chính nơi ta, Bồ Tát Địa Tạng dùng gậy động ba cái, cửa ngục liền mở toang, là sự thanh tịnh từ tự tính sáng suốt, chiếu soi sẽ phá được ba cửa ngục tham, sân, si tức là ba ngục mê muội, ngạ quỷ, súc sinh. Phá tan được nhờ ánh sáng chân lý chiếu soi thoát được vô minh, nhập vào cõi Tây phương Tịnh độ.

V. Kết luận

Vậy ta nên trạch pháp là dùng sự sáng suốt chọn lựa các pháp từ trong tự tính mà sử dụng pháp nào là phương tiện giác ngộ giải thoát, pháp nào mê lầm, sa đọa, đưa ta vào địa ngục. Ta nên sáng suốt nhờ đèn trí huệ (vô lượng quang) mà chiếu soi vạn pháp.

Chân tâm là chân lý bất sinh, bất diệt, không thể quên được. Mê muội chạy theo vọng trần gọi là vô minh. Nếu khởi niệm tầm tối thì không thực hành được đức hạnh của Phật và công hạnh Bồ Tát. Ta nhờ biết có chân tâm là tự tính thanh tịnh, luôn sống với sự sáng suốt trùm khắp này, là thường sống với tính giác (Phật), an trú qui ngưỡng cùng chân tính tự qui về tạng tâm (Địa Tạng tâm) là trở lại chính mình.

Tác giả: **TT.Thích Thiện Hạnh Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 9/2018** -----

CHÚ THÍCH: 1. Kinh Địa Tạng Bốn Nguyện, Phẩm Thứ Mười Hai, "Thấy Nghe Được Lợi Ích", Bản dịch của Hoà Thượng Thích Trí Tịnh. 2. Xem "Jizo Bodhisattva, Modern Healing & Traditional Buddhist Practice", Jan Chozen Bays, Tuttle Publishing, 2002. P. 95. 3. Kinh Địa Tạng Bốn Nguyện, Phẩm Thứ Tám, "Các Vua Diêm La Khen Ngợi", Bản dịch của Hoà Thượng Thích Trí Tịnh. 4.

Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện, Phẩm Thứ Sáu, "Như Lai Tán Thán", Bản dịch của Hoà Thượng Thích Trí Tịnh. 5. Xem "Jizo Bodhisattva, Modern Healing & Traditional Buddhist Practice", Jan Chozen Bays, Tuttle Publishing, 2002. P. 73.